

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt và bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Công, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV; trụ sở: X LH, phường LH, quận HBT, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng Y tòa nhà ACM, số Z CT, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thắng L và ông Trần Khoa H; địa chỉ: Tầng Y tòa nhà ACM, số Z CT, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023). Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP; trụ sở: thửa đất số 1569, tờ bản đồ D4 (DC-15), khu BPB, phường BC, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc S – Chức vụ Giám đốc. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1979; địa chỉ: Q khu phố BPB, phường BC, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Trần Thắng L đại diện trình bày:

Ngày 29/3/2022, Ngân hàng TMCP VNTV (Gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP (Gọi tắt là bị đơn) có ký hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22099 với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 đồng thời hạn 12

tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất là 18,7%/năm cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Lê Ngọc S (chức vụ giám công ty) với tư cách cá nhân đã ký hợp đồng bảo lãnh số EGV/22099/HĐBL ngày 29/3/2023 để bảo lãnh cho khoản vay của bị đơn tại ngân hàng.

Ngày 29/3/2022, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số EGV/22099, thời hạn vay 05 tháng đến ngày 29/8/2022, lãi suất 18,4%/năm. Số tiền này bị đơn đã thanh toán xong.

Ngày 25/8/2022, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 250822-7824082-ONL-1, thời hạn vay 05 tháng đến ngày 25/01/2023, lãi suất 18,7%/năm được điều chỉnh 01 tháng/lần.

Tính đến thời điểm ngày 19/7/2023, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.414 đồng và tiền lãi là 36.028.485 đồng. Từ ngày 25/11/2022 khoản nợ của bị đơn đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/7/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng, lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng, tổng cộng là 1.860.825.024 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu người bảo lãnh là ông Lê Ngọc S phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn do ông Lê Ngọc S là người đại diện theo pháp luật có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc giữa hai bên có ký hợp đồng cho vay hạn mức như nguyên đơn đã trình bày. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Hiện nay tình hình kinh tế khó khăn, các ngành sản xuất đều khan hiếm hàng và không có thu nhập, tình hình của bị đơn cũng trong tình trạng như vậy nên không có tiền để trả cho nguyên đơn. Bị đơn đề nghị nguyên đơn khoan nợ và không tính lãi để tạo điều kiện cho bị đơn khôi phục sản xuất, kiếm tiền trả cho nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Ông S thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc ngày 29/3/2022 ông S có ký hợp đồng bảo lãnh với tư cách cá nhân để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP do ông S làm giám đốc. Hiện nay tình hình tài chính của ông S không có nên không có điều kiện thực hiện hợp đồng bảo lãnh đã ký với nguyên đơn. Khi nào có điều kiện ông S sẽ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh đã ký. Đề nghị nguyên đơn khoan nợ và không tính lãi để tạo điều kiện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn bằng hợp đồng cho vay hạn

mức, nguyên đơn đã giao tiền, bị đơn đã nhận và đã ký khế ước nhận nợ nhưng không thanh toán đúng theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Theo bảng kê do đại diện nguyên đơn lập tính đến ngày 19/7/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng nên buộc bị đơn phải trả số tiền này cho nguyên đơn và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp bị đơn không trả được thì buộc người bảo lãnh là ông Lê Ngọc S phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh. Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng đây là hình thức lãi chồng lãi nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo trình bày, yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn cũng như lời thừa nhận của bị đơn thì nội dung tranh chấp giữa các đương sự như sau:

Ngày 29/3/2022, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22099 với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất là 18,7%/năm cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh 01 tháng/lần. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Lê Ngọc S (Đồng thời là giám đốc của công ty) với tư cách cá nhân đã ký hợp đồng bảo lãnh số EGV/22099/HĐBL ngày 29/3/2022 để bảo lãnh cho khoản vay của bị đơn tại ngân hàng. Ngày 29/3/2022, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số EGV/22099, thời hạn vay 05 tháng đến ngày 29/8/2022, lãi suất 18,4%/năm. Số tiền này bị đơn đã thanh toán xong.

Ngày 25/8/2022, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số 250822-7824082-ONL-1, thời hạn vay 05 tháng đến ngày 25/01/2023, lãi suất 18,7%/năm được điều chỉnh 01 tháng/lần. Tính đến thời điểm ngày 19/7/2023, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn được số tiền gốc là 1.414 đồng và tiền lãi là 36.028.485 đồng. Từ ngày 25/11/2022 khoản nợ của bị đơn đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày tính đến ngày 19/7/2023, bị đơn còn nợ

nguyên đơn số tiền gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng, lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng, tổng cộng là 1.860.825.024 đồng.

Bị đơn thừa nhận sau khi vay tiền của nguyên đơn, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.414 đồng và tiền lãi là 36.028.485 đồng. Bị đơn đề nghị nguyên đơn khoan nợ và không tính lãi để tạo điều kiện cho bị đơn khôi phục sản xuất, kiếm tiền trả cho nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu người bảo lãnh là ông Lê Ngọc S phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Như vậy, trình bày và yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định tính đến thời điểm xét xử (ngày 19/7/2023) bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng, lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng, tổng cộng là 1.860.825.024 đồng.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ: Trong hợp đồng cho vay hạn mức và khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thời hạn 05 tháng tính từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/01/2023. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc còn lại, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

[2.3] Đối với nghĩa vụ của người bảo lãnh: Theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số EGV/22099/HDBL ngày 23/9/2022, ông Lê Ngọc S cam kết bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình cho khoản vay của bị đơn tại ngân hàng. Do đó, trường hợp bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn thì ông Lê Ngọc S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng bảo lãnh đã kí.

[2.4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số nợ gốc và lãi quá hạn là đúng quy định. Tuy nhiên, kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền lãi chậm trả lãi vì nguyên đơn đã buộc bị đơn phải trả lãi quá hạn, nếu tiếp tục yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả lãi là lãi chồng lãi. Đề nghị này của Kiểm sát viên là không phù hợp vì thỏa thuận về lãi chậm trả lãi đã được các bên thỏa thuận tại mục 2.4 khoản 2; mục 3.5 khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22099 ngày 29/3/2022. Các thỏa thuận này của các bên phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/7/2023 là 1.860.825.024 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.499.999.191 đồng,

tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng, lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2023 cho đến khi trả hết nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc thực tế còn lại theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức, khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì ông Lê Ngọc S có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi của bị đơn theo hợp đồng bảo lãnh đã ký nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP VNTV đối với bị đơn - Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền gốc là 1.499.999.191 đồng và tiền lãi quá hạn là 347.629.179 đồng, lãi chậm trả lãi là 13.196.655 đồng, tổng cộng là 1.860.825.024 đồng.

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 trở đi, Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP còn phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV các khoản tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc thực tế còn lại theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức, khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP VNTV thì ông Lê Ngọc S có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi của bị đơn theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng TMCP VNTV.

2. Về án phí:

Trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 30.620.123 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004430 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ gỗ LGP phải chịu 67.824.751 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- Chi cục THADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Trọng Quân